TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **122**/2021/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 01 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2021/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Độ, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T2.

2.2. Về con: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T2 có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh ngày 21/9/2014 và Nguyễn Lê Quang H, sinh ngày 20/4/2017. Anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con. Chị T cấp dưỡng cho con Nguyễn Lê Quang H hằng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con thành niên.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006706 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS h. Nông Cống;
- UBND xã T, h. N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, ***(LL).***

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tình